

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16.9 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000956, đăng ký lần đầu ngày 02/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 01/11/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa .

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông	Vũ Công Hưng	Phó chủ tịch
Ông	Nguyễn Long Hưng	Ủy viên
Ông	Bùi Văn Hường	Ủy viên
Ông	Nguyễn Hữu Chí	Ủy viên
Ông	Trịnh Thế Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Long Hưng	Tổng Giám đốc
Ông	Bùi Văn Hường	Phó tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà	Hoàng Thị Hào	Trưởng ban
----	---------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Licogi 16.9 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.9

Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Long Hưng

Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2012

15.4. C
HẠN
QẢN
AN
A
HÀ

Số: 1362 /BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Licogi 16.9

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Licogi 16.9 được lập ngày 02 tháng 02 năm 2012 gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê hàng tồn kho và tài sản cố định của đơn vị tại thời điểm 31/12/2011, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16.9 tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM**



Ngô Quang Tiến

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0448/KTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 2012



Nguyễn Viết Long

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0692/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.527.924.915	26.303.744.522
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	231.501.874	507.352.588
111	1. Tiền		231.501.874	507.352.588
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.869.651.933	14.403.302.452
131	1. Phải thu khách hàng		4.470.270.741	12.201.865.720
132	2. Trả trước cho người bán		298.411.000	103.120.239
135	5. Các khoản phải thu khác	4	100.970.192	2.098.316.493
140	IV. Hàng tồn kho		7.675.845.528	9.272.353.538
141	1. Hàng tồn kho	5	7.675.845.528	9.272.353.538
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.750.925.580	2.120.735.944
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	41.728.133
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		279.962.793	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.470.962.787	2.079.007.811
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.839.092.959	22.212.247.402
220	II. Tài sản cố định		19.418.795.557	22.047.087.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	17.968.238.617	22.047.087.676
222	- Nguyên giá		31.615.574.033	31.618.386.488
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(13.647.335.416)	(9.571.298.812)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.450.556.940	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		420.297.402	165.159.726
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	420.297.402	165.159.726
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		34.367.017.874	48.515.991.924

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		8.258.961.508	18.468.634.840
310	I. Nợ ngắn hạn		8.183.961.508	17.031.134.840
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	4.995.736.377	4.097.342.026
312	2. Phải trả người bán		726.231.296	7.593.454.509
313	3. Người mua trả tiền trước		929.632.087	3.075.494.850
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	19.459.902	916.401.689
315	5. Phải trả người lao động		644.776.486	663.326.168
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	662.436.608	607.383.251
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		205.688.752	75.961.397
330	II. Nợ dài hạn		75.000.000	1.437.500.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	13	75.000.000	1.437.500.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.108.056.366	30.047.357.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	26.108.056.366	30.047.357.084
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		353.831.681	128.217.162
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		353.831.681	128.217.162
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		400.393.004	4.790.922.760
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		34.367.017.874	48.515.991.924

Hà Thị Hoàng Oanh
Người lập biểu

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

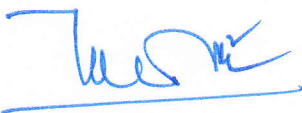
Nguyễn Long Hưng
Tổng Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	33.147.608.219	30.633.506.751
10	3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ		33.147.608.219	30.633.506.751
11	4. Giá vốn hàng bán	16	29.374.299.031	23.040.432.364
20	5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ		3.773.309.188	7.593.074.387
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	27.805.214	221.865.852
22	7. Chi phí tài chính	18	766.457.674	773.400.893
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		766.457.674	773.400.893
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.964.805.117	2.525.857.350
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.851.611	4.515.681.996
31	11. Thu nhập khác	19	12.357.366	90.909.000
32	12. Chi phí khác	20	45.895.176	94.300.617
40	13. Lợi nhuận khác		(33.537.810)	(3.391.617)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.313.801	4.512.290.379
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>36.313.801</u>	<u>4.512.290.379</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	15	1.872


Hà Thị Hoàng Oanh
Người lập biểu

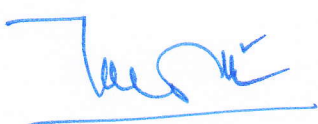

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng


Nguyễn Long Hưng
Tổng Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ BH, cung cấp DV và doanh thu khác		36.014.737.548	23.515.086.987
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV		(18.355.856.324)	(14.506.573.154)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.596.948.920)	(2.698.830.700)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(744.823.299)	(773.400.893)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.828.285.444	2.711.370.143
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.520.507.994)	(15.338.779.494)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.624.886.455	(7.091.127.111)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		-	(3.612.389.623)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi C.vay, bán lại các công cụ nợ của đ.vị khác		-	1.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.805.214	29.115.852
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.805.214	(3.583.273.771)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH		-	3.106.780.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.420.736.377	8.342.012.177
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.884.842.026)	(3.318.092.026)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.464.436.734)	(1.901.059.371)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.928.542.383)	6.229.640.780
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(275.850.714)	(4.444.760.102)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		507.352.588	4.952.112.690
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	231.501.874	507.352.588


Hà Thị Hoàng Oanh
Người lập biểu


Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng


Nguyễn Long Hưng
Tổng Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16.9 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000956, đăng ký lần đầu ngày 02/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 01/11/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa .

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Phá dỡ;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, buro điện, nhiệt điện, sân bay, bến cảng, hạ tầng kỹ thuật; lắp đặt các công trình bê tông kiên cố;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo cốt pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Đơn vị áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
- Máy móc, thiết bị	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	07-09 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	167.673.950	83.058.294
Tiền gửi ngân hàng	63.827.924	424.294.294
	231.501.874	507.352.588

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu tiền đầu do vượt định mức	25.944.205	37.784.745
Nguyễn Văn Hoàn	-	1.300.000.000
Bùi Văn Hường	-	500.000.000
Phải thu khác	75.025.987	260.531.748
	100.970.192	2.098.316.493

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	312.892.637	468.731.509
Công cụ, dụng cụ	23.403.733	20.587.143
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.339.549.158	8.783.034.886
	7.675.845.528	9.272.353.538

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	6.549.550	116.884.000
Tạm ứng	1.464.413.237	1.962.123.811
	1.470.962.787	2.079.007.811

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.014.376.866	14.397.514.477	206.495.145	31.618.386.488
Số tăng trong năm				
- Mua trong năm			25.454.545	25.454.545
Số giảm trong năm				
- Giảm khác			(28.267.000)	(28.267.000)
Số dư cuối năm	17.014.376.866	14.397.514.477	203.682.690	31.615.574.033
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.314.296.790	4.161.525.783	95.476.239	9.571.298.812
Số tăng trong năm				
- Khấu hao trong năm	2.041.253.340	2.006.032.836	48.523.985	4.095.810.161
- Giảm khác			(19.773.557)	(19.773.557)
Số dư cuối năm	7.355.550.130	6.167.558.619	124.226.667	13.647.335.416
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	11.700.080.076	10.235.988.694	111.018.906	22.047.087.676
Tại ngày cuối năm	9.658.826.736	8.229.955.858	79.456.023	17.968.238.617

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình Văn phòng công ty	1.437.628.940	-
Công trình Nhà máy lắp ráp - chế tạo CK và XD TT DV TM, GT SP CT tại KKT Nghi Sơn	12.928.000	-
	1.450.556.940	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm xe	160.036.167	49.500.000
Chi phí sửa chữa xe	141.003.332	42.000.000
Chi phí trả trước khác	119.257.903	73.659.726
	420.297.402	165.159.726

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Vietcombank (*)	4.420.736.377	2.097.342.026
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá	-	2.000.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 13)	575.000.000	-
	4.995.736.377	4.097.342.026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Vay ngân hàng TMCP Vietcombank theo Hợp VND tín dụng số 128/2011/HĐTD-KHDN ngày 25/05/2011, thời hạn cho vay 9 tháng, lãi suất cho vay 18.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn. Tài sản thế chấp là 08 ô tô tải ben với tổng giá trị 7.589.000.000 VND.

Mục đích vay: GNN số 03, số tiền vay là 1.093.000.000 VND, trả cho doanh nghiệp Ngọc Cương; GNN số 04, số tiền vay là 1.270.000.000 VND, trả tiền dầu Diesel; GNN số 05, số tiền vay là 1.012.433.520 VND, trả công ty ĐT và PHTT Nghi Sơn; GNN số 06, số tiền vay là 486.217.193 VND, trả cho Minh Cảnh; GNN số 07, số tiền vay là 559.085.664 VND, vay để trả lương tháng 11,12/2011.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	891.668.904
Thuế thu nhập cá nhân	19.459.902	24.732.785
	19.459.902	916.401.689

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	63.017.326	42.205.124
Bảo hiểm xã hội	2.496.444	1.516.685
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	236.468.565	93.507.000
Bảo hiểm thất nghiệp	7.611.452	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	198.242.370	167.930.776
Các khoản tạm ứng (dư có)	154.600.451	302.223.666
	662.436.608	607.383.251

13. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá (*)	75.000.000	1.437.500.000
	75.000.000	1.437.500.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

(*) Khoản vay Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp VND tín dụng trung hạn số 023/HĐTD/PVFCTH ngày 10/6/2009, thời hạn vay tối đa là 48 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 720.011.000 VND. Mục đích vay: Mua mới máy xúc đào Hitachi Zaxis 330.

Công ty trả nợ gốc khoản vay theo 16 kỳ, 3 tháng 1 lần liên tục bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên là 12/06/2009, hạn trả gốc vay cuối cùng là ngày 12/6/2013, mỗi kỳ phải trả 143.750.000 VND. Các khoản trả nợ trước hạn được khấu trừ vào nghĩa vụ trả nợ gốc của bên vay theo trình tự ngược lại của các ngày đến hạn trả nợ gốc theo lịch trả nợ. Gốc vay tới hạn trả trong năm 2012 là 575.000.000 VND.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	21.893.220.000	-	-	2.564.343.238	24.457.563.238
Tăng vốn trong năm trước	3.106.780.000				3.106.780.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước				4.512.290.379	4.512.290.379
Phân phối lợi nhuận		128.217.162	128.217.162	(384.651.486)	(128.217.162)
Chia cổ tức				(1.901.059.371)	(1.901.059.371)
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	128.217.162	128.217.162	4.790.922.760	30.047.357.084
Tăng vốn trong năm nay					-
Lãi/(lỗ) trong năm nay				36.313.801	36.313.801
Phân phối lợi nhuận		225.614.519	225.614.519	(676.843.557)	(225.614.519)
Chia cổ tức				(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Số dư cuối năm nay	25.000.000.000	353.831.681	353.831.681	400.393.004	26.108.056.366

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-LICOGI16.9-ĐHĐCĐ ngày 21/3/2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		4.512.290.379
Số tiền trích lập các quỹ		676.843.557

Trong đó:

Trích Quỹ Dự phòng tài chính	5%	225.614.519
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	5%	225.614.519
Chi trả cổ tức (trên số cổ phần nắm giữ)	15%	3.750.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các đối tượng khác				
Do pháp nhân nắm giữ	14.200.000.000	56,8	12.400.000.000	49,6
- Công ty cổ phần LICOGI 16	14.200.000.000	56,8	12.400.000.000	49,6
Do thể nhân nắm giữ	10.800.000.000	43,2	12.600.000.000	50,4
- Các cổ đông khác	10.800.000.000	43,2	12.600.000.000	50,4
	<u>25.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>100</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	21.893.220.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	3.106.780.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.750.000.000	1.901.059.371

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	353.831.681	128.217.162
- Quỹ dự phòng tài chính	353.831.681	128.217.162

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.147.608.219	30.633.506.751
	<u>33.147.608.219</u>	<u>30.633.506.751</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.374.299.031	23.040.432.364
	<u>29.374.299.031</u>	<u>23.040.432.364</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	27.805.214	221.865.852
	27.805.214	221.865.852

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	766.457.674	773.400.893
	766.457.674	773.400.893

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản tiền phạt do làm mất CCDC, bồi thường:	12.357.366	-
Thu nhập khác	-	90.909.000
	12.357.366	90.909.000

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Truy thu thuế GTGT năm 2009	27.071.666	-
Nộp phạt vi phạm hành chính thuế	18.823.510	-
Chi phí khác	-	94.300.617
	45.895.176	94.300.617

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.313.801	4.512.290.379
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.313.801	4.512.290.379
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.410.059
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	1.872

22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty		
Công ty cổ phần LICOGI 16		
(mua lại phần vốn của cổ đông	Công ty mẹ	1.800.000.000

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

Công ty cổ phần LICOGI 16	Công ty mẹ	2.249.162.068	10.412.455.382
---------------------------	------------	---------------	----------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

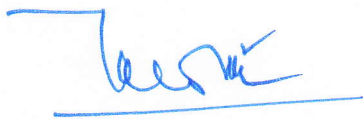
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
		VND	VND
Phải thu			
Công ty cổ phần LICOGI 16	Công ty mẹ	1.353.511.418	964.277.282
Phải trả			
Công ty cổ phần LICOGI 16	Công ty mẹ	-	3.884.844.139

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) kiểm toán.



Hà Thị Hoàng Oanh
Người lập biểu



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Long Hưng
Tổng Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 201

